

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Gia Bình
Ông Lê Quang Tiến
Ông Bùi Quang Ngọc
Ông Hoàng Minh Châu
Bà Trương Thị Thanh Thanh
Ông Jonathon Ralph Alexander Waugh
Ông Đỗ Cao Bào
Ông Nguyễn Thành Nam
Ông Nguyễn Diệp Tùng
Ông Hoàng Nam Tiến
Ông Trương Đình Anh

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Đình Anh
Ông Nguyễn Thành Nam
Ông Nguyễn Thế Phương
Bà Chu Thị Thanh Hà
Ông Lê Trung Thành
Ông Phan Đức Trung

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/03/2011, miễn nhiệm chức
Phó Tổng Giám đốc ngày 25/03/2011)
Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25/03/2011)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/03/2011)
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25/03/2011)
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính (miễn nhiệm
ngày 25/03/2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2012

Số: 1007 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần FPT

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 29. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Đức Nguyễn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0764/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.003.000.515.941	2.293.133.015.354
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.900.385.214.128	545.299.668.315
1. Tiền	111		181.323.547.461	63.026.334.982
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.719.061.666.667	482.273.333.333
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		512.240.879.112	724.487.037.105
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	512.240.879.112	726.487.037.105
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(2.000.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		537.680.149.539	241.803.884.703
1. Phải thu khách hàng	131		92.362.606	114.678.511
2. Trả trước cho người bán	132		2.152.176.794	2.585.348.850
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	29	332.997.238.058	-
4. Các khoản phải thu khác	135	7	202.438.372.081	239.103.857.342
IV. Hàng tồn kho	140		149.630.819	211.331.238
1. Hàng tồn kho	141		149.630.819	211.331.238
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.544.642.343	781.331.093.993
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.418.704.371	1.615.438.784
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41.411.358.419	61.453.990.631
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		9.329.290.829	9.416.022.106
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	385.288.724	708.845.642.472
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		2.588.253.961.975	3.217.999.659.179
I. Tài sản cố định	220		247.950.738.481	388.780.855.824
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	219.532.290.070	202.377.318.517
- Nguyên giá	222		297.358.598.574	263.670.035.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.826.308.504)	(61.292.717.426)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	20.785.405.161	28.536.952.452
- Nguyên giá	228		64.769.861.229	63.277.746.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.984.456.068)	(34.740.793.777)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	7.633.043.250	157.866.584.855
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.333.059.272.896	2.814.644.470.748
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	2.343.792.033.263	1.928.544.383.182
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	-	640.671.420.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	1.795.852.500	262.804.891.300
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(12.528.612.867)	(17.376.223.734)
III. Tài sản dài hạn khác	260		7.243.950.598	14.574.332.607
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.233.324.598	14.563.706.607
2. Tài sản dài hạn khác	268		10.626.000	10.626.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.591.254.477.916	5.511.132.674.533

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.321.537.298.710	2.716.317.272.395
I. Nợ ngắn hạn	310		2.320.125.126.185	914.622.507.820
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1.955.611.013.965	630.592.980.257
2. Phải trả người bán	312		7.474.112.667	10.544.677.739
3. Người mua trả tiền trước	313		10.263.185.261	10.053.372.106
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	502.251.605	511.781.596
5. Phải trả người lao động	315		811.079.517	811.079.517
6. Chi phí phải trả	316	17	33.368.262.603	46.373.862.596
7. Phải trả nội bộ	317	29	-	131.211.861.294
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	294.601.010.919	71.143.192.968
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		17.494.209.648	13.379.699.747
II. Nợ dài hạn	330		1.412.172.525	1.801.694.764.575
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.412.172.525	1.694.764.575
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	-	1.800.000.000.000
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		3.269.717.179.206	2.794.815.402.138
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	3.269.717.179.206	2.794.815.402.138
1. Vốn điều lệ	411		2.160.826.760.000	1.934.805.170.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.941.441.360	54.851.281.360
3. Cổ phiếu quỹ	414		(513.440.000)	(692.150.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		103.009.261	103.009.261
5. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418		87.203.093.024	87.203.093.024
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		972.156.315.561	718.544.998.493
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.591.254.477.916	5.511.132.674.533



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	417.972.604.021	278.861.784.462
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	814.320	67.525.485
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		417.971.789.701	278.794.258.977
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	325.900.724.176	199.456.981.620
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		92.071.065.525	79.337.277.357
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	883.724.232.240	608.185.735.927
7. Chi phí tài chính	22	24	259.060.408.826	174.733.272.426
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		231.678.578.004	172.839.508.868
8. Chi phí bán hàng	24		2.953.997.362	23.467.796.875
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		135.017.509.988	132.689.664.774
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		578.763.381.589	356.632.279.209
11. Thu nhập khác	31		1.348.134.964	1.736.518.855
12. Chi phí khác	32		405.039.089	2.756.547.912
13. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động khác (40=31-32)	40	25	943.095.875	(1.020.029.057)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		579.706.477.464	355.612.250.152
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	14.130.875.864
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		579.706.477.464	341.481.374.288



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	579.706.477.464	355.612.250.152
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	26.137.597.877	28.925.636.642
- Các khoản dự phòng	03	14.456.499.731	(49.145.366.351)
- Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	57.952.784	(959.152.911)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(879.745.845.174)	(603.008.799.097)
- Chi phí lãi vay	06	231.678.578.004	172.839.508.868
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(27.708.739.314)	(95.735.922.697)
- Giảm các khoản phải thu	09	501.443.080.909	534.418.522.343
- Giảm hàng tồn kho	10	61.700.419	3.042.632.313
- (Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(182.312.037.966)	166.040.686.303
- Giảm chi phí trả trước	12	7.527.116.422	5.427.807.336
- Tiền lãi vay đã trả	13	(255.893.986.970)	(179.716.935.351)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(52.391.851.031)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	246.520.373.479	147.162.218.026
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	289.637.506.979	528.247.157.242
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(92.970.049.498)	(138.748.542.276)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	247.607.473.297	733.427.821
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.339.708.733.050)	(4.459.130.071.329)
4. Tiền thu hồi cho vay và bán công cụ nợ của các đơn vị khác	24	1.717.954.355.037	4.845.314.147.994
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(121.199.184.893)	(1.513.235.630.690)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	796.920.556.117	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	615.698.866.225	533.574.763.681
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.824.303.283.235	(731.491.904.799)

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	27.716.100.000	18.146.090.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu đã phát hành và thu từ cổ phiếu tái phát hành	32	178.710.000	2.113.400.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.925.769.556.812	1.682.026.543.712
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.400.687.986.612)	(1.360.763.396.473)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(311.831.624.601)	(192.760.681.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(758.855.244.401)	148.761.955.264
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.355.085.545.813	(54.482.792.293)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	545.299.668.315	599.782.460.608
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	1.900.385.214.128	545.299.668.315



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/05/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tại ngày 31/12/2011, Công ty Cổ phần FPT có 10 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty TNHH Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty TNHH Phần mềm FPT;
- Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT;
- Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT;
- Công ty TNHH Giáo dục FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT;
- Công ty TNHH Đầu tư FPT;
- Công ty TNHH Tháp Láng Hạ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất ngày 16 tháng 9 năm 2011, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT là 2.160.826.760.000 VND.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 118 người (31 tháng 12 năm 2010 là 149 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và đầu tư. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp chủ yếu bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ công nghệ thông tin; các dịch vụ ERP; sản xuất các sản phẩm công nghệ; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Ký kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 28.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Công ty được xác định theo phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	2 - 3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại 153 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất là vô thời hạn và không được trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá mua phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê; chi phí thuê văn phòng, công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí tân trang văn phòng.

Giá trị công cụ dụng cụ, dụng cụ xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng từ hai đến ba năm.

Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được lập hàng năm bằng cách phân bổ tối đa 10% lợi nhuận thuần sau thuế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận do Công ty không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	202.797.844	165.370.897
Tiền gửi ngân hàng	181.120.749.617	62.860.964.085
Các khoản tương đương tiền (i)	1.719.061.666.667	482.273.333.333
	<u>1.900.385.214.128</u>	<u>545.299.668.315</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho công ty con vay có thời hạn không quá 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay với thời hạn dưới một năm và khoản tiền cam kết để thực hiện hợp đồng mua trái phiếu.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần (i)	-	217.755.552.900
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	38.846.999.457	18.648.256.667
Cổ tức phải thu công ty con (ii)	161.223.740.000	-
Khác	2.367.632.624	2.700.047.775
	<u>202.438.372.081</u>	<u>239.103.857.342</u>

(i) Thể hiện giá trị phải thu từ việc chuyển nhượng danh mục đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT sang cho Công ty TNHH VNT. Khoản phải thu này đã được tất toán trong năm 2011.

(ii) Thể hiện khoản cổ tức trả bằng tiền mà Công ty được chốt quyền hưởng cổ tức theo thông báo ngày 25/11/2011 của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT; ngày chốt quyền cuối cùng là ngày 15/12/2011; cổ tức sẽ được thanh toán trong quý 1 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2010 chủ yếu là khoản tiền đặt cọc cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Biên bản thỏa thuận đặt cọc ngày 8 tháng 10 năm 2010 ký giữa Công ty Cổ phần FPT và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty đã thu hồi được toàn bộ khoản đặt cọc trên trong năm 2011.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	9.114.336.000	54.163.410.229	63.277.746.229
Mua trong năm	-	1.492.115.000	1.492.115.000
Tại ngày 31/12/2011	9.114.336.000	55.655.525.229	64.769.861.229
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	-	34.740.793.777	34.740.793.777
Khấu hao trong năm	-	9.243.662.291	9.243.662.291
Tại ngày 31/12/2011	-	43.984.456.068	43.984.456.068
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	9.114.336.000	11.671.069.161	20.785.405.161
Tại ngày 31/12/2010	9.114.336.000	19.422.616.452	28.536.952.452

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại 153 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất vô thời hạn và không được trích khấu hao.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2011	2010
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	157.866.584.855	227.198.069.163
Tăng trong năm	74.582.548.741	123.646.761.661
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	5.874.711.301
Chuyển nhượng cho công ty con (i)	224.816.090.346	-
Chuyển sang góp vốn	-	152.040.000.000
Khác	-	35.063.534.668
Tại ngày 31 tháng 12	7.633.043.250	157.866.584.855

- (i) Thể hiện giá trị Dự án Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh và Dự án 89 Láng Hạ được Công ty chuyển nhượng cho các công ty con trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	180.261.035.150	45.906.958.383	2.179.092.760	34.812.119.383	510.830.267	263.670.035.943
Tăng do mua sắm	33.843.810.000	37.783.329	-	209.816.473	-	34.091.409.802
Thanh lý, nhượng bán	-	(41.393.360)	-	(361.453.811)	-	(402.847.171)
Tại ngày 31/12/2011	214.104.845.150	45.903.348.352	2.179.092.760	34.660.482.045	510.830.267	297.358.598.574
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	17.449.351.269	13.388.636.387	1.585.512.855	28.473.589.941	395.626.974	61.292.717.426
Khấu hao trong năm	8.404.341.363	4.968.341.824	120.728.115	3.345.390.272	55.134.012	16.893.935.586
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.874.250)	-	(324.470.258)	-	(360.344.508)
Tại ngày 31/12/2011	25.853.692.632	18.321.103.961	1.706.240.970	31.494.509.955	450.760.986	77.826.308.504
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	188.251.152.518	27.582.244.391	472.851.790	3.165.972.090	60.069.281	219.532.290.070
Tại ngày 31/12/2010	162.811.683.881	32.518.321.996	593.579.905	6.338.529.442	115.203.293	202.377.318.517

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 với giá trị là 25.758.410.116 VND (tại ngày 31/12/2010 là 23.032.838.733 VND).

Một số tăng của tòa nhà FPT Cầu Giấy và tòa nhà 153 Nguyễn Đình Chiểu đang được các công ty con thuê, sử dụng làm văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (trực tiếp và gián tiếp)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Tầng 6-12, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty TNHH Thương mại FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm công nghệ và phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	42,51%	42,51%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT (ii)	Số 153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	Số 25, Ngõ 68 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì cho các thiết bị điện tử, công nghệ và công nghiệp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	408 đường Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	49,58%	82,37%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (cả trực tiếp và gián tiếp)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Tầng 13, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (hoạt động tư vấn đầu tư, không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
Công ty TNHH Tháp Láng Hạ	Số 89 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	99,8%	100%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn quản lý bất động sản

(i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 42,51% phần vốn (31/12/2010: 43,06%) và nắm giữ 42,51% quyền biểu quyết (31/12/2010: 43,06%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Công ty có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, do đó Công ty Cổ phần Viễn thông FPT được coi là công ty con.

(ii) Ngày 08/8/2011, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT đã ra Quyết định số 79.1-2011/QĐ-FPT-TGD ngày 08/8/2011 về việc tạm thời thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, khi Công ty nhận được cổ phiếu từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu của các công ty con thì Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư. Chi tiết như sau:

Công ty con	Cổ phiếu tăng thêm	Cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2011
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	395.000	1.580.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	6.278.130	40.305.935

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được chuyển giao sang cho Công ty TNHH Đầu tư FPT - một công ty con của Công ty - dưới dạng góp vốn và chuyển giao tài sản theo Biên bản Chuyển giao tài sản ngày 25/03/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ đầu tư Việt Nam (i)	-	30.000.000.000
Quỹ đầu tư Việt Nhật (i)	-	36.300.000.000
Đầu tư Ủy thác vào Công ty CP Giáo dục Quốc tế Việt Úc (i)	-	190.000.000.000
Khác	1.795.852.500	6.504.891.300
	<u>1.795.852.500</u>	<u>262.804.891.300</u>

- (i) Phần lớn các khoản đầu tư dài hạn đã được chuyển giao sang cho Công ty TNHH Đầu tư FPT - một công ty con của Công ty - dưới dạng góp vốn và chuyển giao tài sản theo Biên bản Chuyển giao tài sản ngày 25/03/2011.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.609.361.316	9.881.317.102
Vay ngắn hạn công ty con (i)	148.001.652.649	620.711.663.155
Trái phiếu đến kỳ đáo hạn (ii)	1.800.000.000.000	-
	<u>1.955.611.013.965</u>	<u>630.592.980.257</u>

- (i) Vay ngắn hạn công ty con thể hiện các khoản vay có kỳ hạn dưới 1 năm và không có tài sản đảm bảo.

- (ii) Thể hiện giá trị trái phiếu phát hành trong năm 2009, tương đương với 1.800 lô ("Lô") được chào bán gồm trái phiếu xác định nghĩa vụ trả nợ đầu tiên và không có bảo đảm bằng tài sản có tổng mệnh giá bằng 1.800 tỷ đồng, lãi suất 7%/năm, ("Trái Phiếu") và 2.084.400 Chứng quyền. Mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền, tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định, được quyền mua 10 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 VND/Chứng quyền. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 09 tháng 10 năm 2011, ngày 09 tháng 10 năm 2012, ngày 09 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu đã được bán hết tại ngày 09 tháng 10 năm 2009.

Theo Thông báo số 167/FPT-FAF ngày 30 tháng 5 năm 2010, tỷ lệ thực hiện Chứng quyền được thay đổi; theo đó, mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền được mua 13.324 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 đồng/Chứng quyền.

Trái phiếu này sẽ đáo hạn trong năm 2012.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế xuất, nhập khẩu	2.292.172	2.292.172
Thuế thu nhập cá nhân	499.959.433	509.489.424
	<u>502.251.605</u>	<u>511.781.596</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay và lãi trái phiếu	27.678.146.774	32.169.657.356
Các chi phí khác	5.690.115.829	14.204.205.240
	<u>33.368.262.603</u>	<u>46.373.862.596</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	1.753.432.746	2.625.396.165
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	617.230.909	544.984.263
Phải trả tiền cổ tức	3.284.096.533	2.361.399.634
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	276.653.318.652	20.620.404.720
Phải trả khoản lãi nhận trước (ii)	-	43.823.333.333
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>12.292.932.079</u>	<u>1.167.674.853</u>
	<u>294.601.010.919</u>	<u>71.143.192.968</u>

- (i) Thể hiện giá trị khoản nhận đặt cọc để thực hiện các thỏa thuận hợp tác đầu tư.
- (ii) Thể hiện khoản tiền lãi nhận đầu kỳ theo điều khoản trả lãi các hợp đồng cho vay của Công ty. Các khoản lãi nhận trước này sẽ được thu hồi nếu Công ty chấm dứt hợp đồng cho vay trước hạn. Năm 2011 không phát sinh khoản lãi nhận trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	1.438.319.670.000	54.851.281.360	(2.805.550.000)	87.203.093.024	103.009.261	1.061.301.055.560	2.638.972.559.205
Phát hành cổ phiếu	18.146.090.000	-	-	-	-	-	18.146.090.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	341.481.374.288	341.481.374.288
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	2.113.400.000	-	-	-	2.113.400.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	(12.499.163.355)	(12.499.163.355)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu và tiền	478.339.410.000	-	-	-	-	(671.738.268.000)	(193.398.858.000)
Số dư tại ngày 01/01/2011	1.934.805.170.000	54.851.281.360	(692.150.000)	87.203.093.024	103.009.261	718.544.998.493	2.794.815.402.138
Phát hành cổ phiếu	27.716.100.000	-	-	-	-	-	27.716.100.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	579.706.477.464	579.706.477.464
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	178.710.000	-	-	-	178.710.000
Tăng vốn do hoán đổi cổ phiếu (i)	198.305.490.000	-	-	-	-	-	198.305.490.000
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.344.458.304)	(13.344.458.304)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(312.754.321.500)	(312.754.321.500)
Biến động do hoán đổi cổ phiếu	-	(4.909.840.000)	-	-	-	-	(4.909.840.000)
Các biến động khác	-	-	-	-	-	3.619.408	3.619.408
Số dư tại ngày 31/12/2011	2.160.836.760.000	49.941.441.360	(513.440.000)	87.203.093.024	103.009.261	972.156.315.561	3.269.717.179.206

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần FPT ngày 15 tháng 4 năm 2011, Công ty đã thực hiện việc phát hành thêm 19.830.549 cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu của các công ty con năm giữ bởi cổ đông thiểu số bao gồm Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin FPT (FPT IS), Công ty Cổ phần Phần mềm FPT (FPT Software) và Công ty Cổ phần Thương mại FPT (FPT Trading). Nghiệp vụ này đã được thực hiện xong trong năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Cổ tức**

Ngày 15 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền mặt cho cả năm 2010 là 15% trên mệnh giá, 10% phần cổ tức này đã được Công ty thực hiện chi trả trong năm 2010, phần cổ tức còn lại được chi trả trong quý 2 năm 2011.

Ngày 11 tháng 8 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT thông qua Nghị quyết số 81-2011/QĐ-FPT-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 6 tháng đầu năm 2011 là 10% trên mệnh giá. Phần cổ tức này đã được chi trả trong năm 2011.

Số cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2011	31/12/2010
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	216.082.676	193.480.517
Cổ phiếu đã phát hành	216.082.676	193.480.517
Cổ phiếu phổ thông	215.202.175	192.978.824
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	880.501	501.693
Cổ phiếu quỹ	(51.344)	(69.215)
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(51.344)	(69.215)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	216.031.332	193.411.302
Cổ phiếu phổ thông	215.202.175	192.978.824
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	829.157	432.478

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

20. DOANH THU

	2011	2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	417.972.604.021	278.861.784.462
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	235.028.974.543	47.615.008.475
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	182.943.629.478	231.246.775.987
Các khoản giảm trừ doanh thu	(814.320)	(67.525.485)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	417.971.789.701	278.794.258.977

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2011	2010
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	233.877.817.438	46.170.755.885
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	92.022.906.738	153.286.225.735
	325.900.724.176	199.456.981.620

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	233.877.817.438	46.170.755.885
Chi phí nhân công	38.152.619.389	34.355.094.225
Chi phí khấu hao	26.137.597.877	28.925.636.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.704.196.822	246.162.956.517
	463.872.231.526	355.614.443.269

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ủy thác đầu tư và đầu tư trái phiếu	325.213.068.869	277.035.776.959
Lãi chênh lệch tỷ giá	233.972.131	373.199.815
Cổ tức bằng tiền và lợi nhuận được chia	558.277.191.240	277.020.670.247
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	53.756.088.906
	883.724.232.240	608.185.735.927

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	231.678.578.004	172.839.508.868
Lỗ chênh lệch tỷ giá	886.155.693	449.301.945
Chi phí tài chính khác	26.495.675.129	1.444.461.613
	259.060.408.826	174.733.272.426

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	2011	2010
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	233.886.477	733.427.821
Các thu nhập khác	1.114.248.487	1.003.091.034
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(42.502.663)	(659.383.936)
Chi phí khác	(362.536.426)	(2.097.163.976)
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	943.095.875	(1.020.029.057)

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	579.706.477.464	355.612.250.152
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(592.527.448.638)	(280.863.081.960)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	266.666.668	793.739.668
Thu nhập chịu thuế	-	75.542.907.860
Thuế suất thông thường	25%	25%
Ảnh hưởng điều chỉnh từ năm trước	-	(4.754.851.101)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.130.875.864

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	704.000.000	434.642.250

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	104.400.000	308.097.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	417.600.000	3.621.987.000
Sau năm năm	4.489.200.000	27.284.940.000
	<u>5.011.200.000</u>	<u>31.215.024.000</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 4.000 m² tại lô B2 cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với giá thuê 5.768.000 VND/m²/năm, hệ số thuê đất 0,5%. Hợp đồng thuê đất số 146-2005/TNMTTND-HDTĐTN ngày 30/11/2005 được ký với Sở Tài nguyên - Môi trường và Nhà đất Hà Nội với thời hạn 50 năm, kể từ ngày 27/10/2005.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa sử dụng nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty đã thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá ngoại hối thông qua các biện pháp: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai (kỳ dự báo được căn cứ theo vòng quay tiền của hoạt động kinh doanh), duy trì hợp lý cơ cấu vay nợ ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp và sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có thông qua tài khoản tập trung để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô La Mỹ (USD)</i>	10.901.001.374	11.913.402.265	1.062.312.680	1.286.739.285
<i>Euro (EUR)</i>	-	-	28.798.930	29.220.473
<i>Đô la Singapore (SGD)</i>	-	-	32.656.673	32.439.169

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất cố định đối với đồng ngoại tệ và đồng nội tệ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ giữa ngoại tệ và VND theo lãi suất cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng hoặc đối tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Thông qua tài khoản tập trung được quản lý bởi Công ty, Công ty đã tối ưu hóa được các dòng tiền nhận rồi và tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Các khoản vay	1.955.611.013.965	-	1.955.611.013.965
Phải trả người bán và phải trả khác	7.474.112.667	-	7.474.112.667
Chi phí phải trả	28.624.964.064	-	28.624.964.064
Công nợ khác	287.642.318.652	1.412.172.525	289.054.491.177
	<u>2.279.352.409.348</u>	<u>1.412.172.525</u>	<u>2.280.764.581.873</u>
31/12/2010	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Các khoản vay	630.592.980.257	1.800.000.000.000	2.430.592.980.257
Phải trả người bán và phải trả khác	10.544.677.739	-	10.544.677.739
Chi phí phải trả	44.617.570.896	-	44.617.570.896
Phải trả nội bộ	131.211.861.294	-	131.211.861.294
Công nợ khác	64.500.434.551	1.694.764.575	66.195.199.126
	<u>881.467.524.737</u>	<u>1.801.694.764.575</u>	<u>2.683.162.289.312</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.900.385.214.128	-	1.900.385.214.128
Phải thu khách hàng	92.362.606	-	92.362.606
Phải thu nội bộ	332.997.238.058	-	332.997.238.058
Đầu tư	512.240.879.112	615.952.500	512.856.831.612
Phải thu khác	202.438.372.081	-	202.438.372.081
Tài sản tài chính khác	-	10.626.000	10.626.000
	<u>2.948.154.065.985</u>	<u>626.578.500</u>	<u>2.948.780.644.485</u>
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	545.299.668.315	-	545.299.668.315
Phải thu khách hàng	114.678.511	-	114.678.511
Đầu tư	724.487.037.105	252.562.153.288	977.049.190.393
Phải thu khác	239.103.857.342	-	239.103.857.342
Tài sản tài chính khác	708.800.000.000	10.626.000	708.810.626.000
	<u>2.217.805.241.273</u>	<u>252.572.779.288</u>	<u>2.470.378.020.561</u>

29. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2011 VND	2010 VND
Góp vốn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	265.671.420.000
Công ty TNHH Phần mềm FPT	127.940.140.000	-
Công ty TNHH Thương mại FPT	87.600.000.000	-
Công ty TNHH Giáo dục FPT	-	26.000.000.000
Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng	-	218.435.992.890
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	117.980.510.000	-
Công ty TNHH Đầu tư FPT	600.000.000.000	-
Công ty TNHH Tháp Láng Hạ	116.673.684.893	-
Cung cấp dịch vụ và bàn giao dự án xây dựng		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	22.237.038.432	12.770.961.745
Công ty TNHH Phần mềm FPT	139.028.160.398	17.876.603.109
Công ty TNHH Thương mại FPT	12.381.866.185	12.641.305.343
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	27.693.918.093	23.509.791.634
Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng	52.106.004	35.075.753.274
Công ty TNHH Tháp Láng Hạ	106.066.986.266	-

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	2011	2010
	VND	VND
Cổ tức		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	15.960.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	257.845.692.275	48.739.547.703
Công ty TNHH Phần mềm FPT	12.457.314.500	74.743.887.000
Công ty TNHH Thương mại FPT	17.100.000.000	62.700.000.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	20.781.250.000	41.562.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến	19.710.500.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT	1.925.000.000	-
Nhận lợi nhuận kết chuyển về		
Công ty TNHH Thương mại FPT	68.776.260.000	2.748.697.655
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	19.555.282.268	20.157.538.835

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Số dư các khoản cho vay, ủy thác đầu tư		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	1.024.000.000.000	253.823.333.333
Công ty TNHH Thương mại FPT	550.000.000.000	249.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	-	510.507.405.784
Công ty TNHH Bất động sản FPT	-	127.972.249.862
Công ty TNHH Phần mềm FPT	-	16.666.666.667
Số dư các khoản đi vay		
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	-	114.000.000.000
Công ty TNHH Phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc FPT	19.490.000.000	33.600.000.000
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	14.000.000.000	317.600.000.000
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT	-	11.000.000.000
Công ty TNHH Giáo dục FPT	-	137.975.365.683
Công ty TNHH Thương mại FPT	35.061.666.667	-
Công ty TNHH Phần mềm FPT	13.000.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	26.449.985.982	-
Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng	40.000.000.000	-

Số dư phải thu nội bộ và phải trả nội bộ

Thể hiện số dư còn lại sau khi được bù trừ giữa công nợ phải thu và phải trả của Công ty với các công ty con trong Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã phê duyệt thực hiện các dự án sau:

- Dự án xây dựng Đại học FPT tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc: Công ty Cổ phần FPT cấp bổ sung vốn 100 tỷ VND để xây trường Đại học FPT.
- Thông qua phương án góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Tháp Láng Hạ là 133.732.000.000 VND (chiếm 99,8% vốn điều lệ). Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp được 116 tỷ VND.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng


